

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN**

TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 192/2018/HNGĐ-ST

Ngày 06 - 9 - 2018

“Về việc chia tài sản sau ly hôn”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính

Các vị Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Đức Kỳ

Ông Nguyễn Văn Mầm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vui là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số: 472/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2017. Về việc “Chia tài sản sau ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 280/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Tôn Minh Th, sinh năm 1989 (có mặt)

Cư trú: ấp 17, xã Nguyễn Phích, huyện U M, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị Phan Mỹ H, sinh năm 1991 (Có mặt)

Cư trú: ấp Rạch Dước, xã Tân Hưng Đông, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Tôn Minh T, sinh năm 1962 (Có mặt)

2. Bà Phạm Ngọc Ti, sinh năm 1963

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tôn Minh T, sinh năm 1962 (Có mặt)

Cùng trú: ấp 17, xã Nguyễn Phích, huyện U M, tỉnh Cà Mau.

3. Ông Phan Thành C, sinh năm 1960 (Có mặt)

4. Bà Võ Lệ Th, sinh năm 1964 (Có mặt)

Cùng trú: Rạch Dước, xã Tân Hưng Đông, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05/12/2017 và tại phiên tòa anh Tôn Minh Th (nguyên đơn) trình bày như sau:

Anh và chị Phan Mỹ H kết hôn vào ngày 06 tháng 5 năm 2017 (âm lịch), sau khi cưới nhau về vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn nên anh và chị H đã ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện U M, tỉnh Cà Mau theo quyết định C nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 104/2017/QĐST – HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2017. Khi ly hôn về tài sản anh và chị H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng sau đó anh và chị H không thỏa thuận được với nhau. Đối với số tài sản chung anh yêu cầu Tòa án giải quyết gồm 12 chỉ vàng 24k, vàng này là trong ngày cưới cha mẹ hai bên cho cụ thể như sau:

Cha mẹ ruột anh là ông Tôn Minh T và bà Phạm Ngọc Ti cho vợ chồng anh 07 chỉ vàng 24k gồm: 01 tấm lắc tay 03 chỉ vàng 24k, 01 sợi dây chuyền 04 chỉ vàng 24k; Cha mẹ vợ là ông Phan Thành C và bà Võ Lệ Th có cho vợ chồng anh 01 chiếc kiềng 05 chỉ vàng 24k. Đối với số vàng này hiện nay chị H đang quản lý, nay anh yêu cầu chị H trả lại 12 chỉ vàng 24k để anh và chị H cùng chia đôi.

Tại biên bản hòa giải bổ sung ngày 14/8/2018 anh Th chỉ yêu cầu chia đôi 07 chỉ vàng 24k là nữ trang được cha mẹ cho trong ngày cưới, anh không yêu cầu chia 05 chỉ vàng 24k mà cha mẹ vợ cho trong ngày cưới

- Bị đơn chị **Phan Mỹ H** trình bày:

Chị và anh Th kết hôn vào tháng 5 năm 2017 đến tháng 11 năm 2017 thì chị và anh Th ly hôn theo quyết định C nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 104/2017/QĐST – HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện U M, tỉnh Cà Mau. Trước đây khi ly hôn về tài sản chung chị và anh Th tự thỏa thuận nhưng hiện nay không thỏa thuận được với nhau. Nay anh Th yêu cầu chị giao lại 12 chỉ vàng 24k để chị và anh Th chia đôi chị không đồng ý. Chị đồng ý trong ngày cưới cha mẹ chồng chị là ông Tôn Minh T và bà Phạm Ngọc Ti cho vợ chồng chị 07 chỉ vàng 24k gồm 01 tấm lắc tay 03 chỉ vàng 24k, 01 sợi dây chuyền 04 chỉ vàng 24k, đối với số vàng này trước đây khi chị và anh Th xảy ra mâu thuẫn nên chị về nhà cha mẹ ruột sống khi đi chị không có mang theo số vàng này mà bỏ lại trong gương (chị có trình báo chính quyền địa phương về việc về bên cha mẹ ruột sống). Khi cưới thì cha mẹ ruột chị là ông Phan Thành C và bà Võ Lệ Th có cho chị mượn một chiếc kiềng 05 chỉ vàng 24k để đeo trong ngày cưới chứ không phải là cho luôn, sau khi về phản bội thì chị đã trả lại số vàng này cho cha mẹ chị, đây là vàng của cha mẹ ruột chị nên không thể chia đôi với anh Th. Ngoài ra khi kết hôn với anh Th chị có riêng 07 chỉ vàng 18k gồm: 01 chiếc vòng cổ 01 chỉ vàng 18k, 01 chiếc vòng tay 1,5 chỉ vàng 18k, 04 chiếc khâu 03 chỉ vàng 18k, 01 đôi bông tay 01 chỉ vàng 18k và 01 nhẫn cưới 0,5 chỉ vàng

18k. Hiện nay tất cả số vàng 18k này và 07 chỉ vàng 24k cha mẹ chồng cho anh Th quản lý, vì khi chị ra đi chị đều để trong gương. Nay chị yêu cầu anh Th giao lại số vàng này, đối với 07 chỉ vàng 24k chị yêu cầu chia đôi, 07 chỉ vàng 18 k là của riêng chị nên chị yêu cầu anh Th trả lại số vàng này cho chị.

- Ông Tôn Minh T trình bày: Ông T cho rằng số vàng trên khi chị H bệnh thì ông có kêu chị H đem số vàng trên bán để điều trị thì chị H nói bán rồi không sắm lại được, ông mới nói nếu không sắm lại được thì cha sắm lại cho, từ đó chị H nói 07 chỉ vàng 24k chị để gửi về bên cha mẹ ruột cất dùm.

- Bà Phạm Ngọc Ti trình bày: Bà Ti đồng ý lời trình bày với ông T là chồng bày thêm.

- Bà Võ Lệ Th trình bày: Bà Th không thừa nhận có giữ 07 chỉ vàng 24k là nữ trang mà chị H gửi như anh Th trình bày. Nay anh Th yêu cầu bà và ông C trả lại 07 chỉ vàng 24k để vợ chồng chia đôi là bà không đồng ý.

- Ông Phan Thành C trình bày: Ông C thống nhất lời trình bày của bà Th là vợ ông, ông không bổ sung gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn chị Phan Mỹ H có nơi cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Xét đơn của anh Tôn Minh Th khởi kiện chị Phan Mỹ H về chia tài sản chung của vợ chồng nên xác định quan hệ tranh chấp “Chia tài sản sau khi ly hôn” là đúng quy định tại khoản 2 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Anh Tôn Minh Th yêu cầu chị Phan Mỹ H chia đôi 07 (bảy) chỉ vàng 24k là nữ trang được cha mẹ anh cho vợ chồng và 05 (năm) chỉ vàng 24k được cha mẹ vợ cho trong ngày cưới, tổng là 12 (mười hai chỉ) vàng 24k. Anh Th cho rằng số vàng này chị H đang quản lý. Chị H không thừa nhận có giữ 12 chỉ vàng 24k như anh Th trình bày, chị H cho rằng 07 (bảy) chỉ là nữ trang, còn 05 (năm) chỉ vàng 24k là cha mẹ ruột chị cho riêng chị đeo trong ngày cưới chứ không cho vợ chồng. Đồng thời khi chị về sống với anh Th thì chị có riêng 07

(bảy) chỉ vàng 18k. Toàn bộ 07 (bảy) chỉ vàng 24k và 07 (bảy) chỉ vàng 18k khi chị và anh Th ly thân nhau chị về bên cha mẹ ruột ở thì chị đã để lại trong gương trong buồng của vợ chồng (chị có trình báo với chính quyền địa phương), riêng 05 chỉ vàng 24k thì chị đã trả lại cho cha mẹ ruột chị.

Xét thấy, tại biên bản hòa giải ngày 30/01/2018 anh Th chia đôi 12 chỉ vàng 24k với chị H, nhưng tại biên bản hòa giải ngày 14/8/2018 và tại phiên tòa anh Th cho rằng do chị H đưa cho bà Th và ông C đang giữ 07 chỉ vàng 24k nên anh yêu cầu ông C và Bà Th trả lại để vợ chồng chia đôi. Chị H thì yêu cầu anh Th chia đôi 07 (bảy) chỉ vàng 24k là nữ trang và yêu cầu anh Th trả lại cho chị 07 (bảy) chỉ vàng 18k. Hội đồng xét xử xét thấy, anh Th yêu cầu ông C, bà Th trả lại 07 chỉ vàng 24k để vợ chồng chia đôi, đối với chị H, ông C và bà Th không thừa nhận có giữ 07 chỉ vàng 24k như anh Th đã trình bày, anh Th không có chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

Đối với chị H cho rằng anh Th quản lý 07 chỉ vàng 24k và 07 chỉ vàng 18k., yêu cầu anh Th chia đôi số vàng nêu trên. Tại phiên tòa, chị H xin rút lại toàn bộ đơn không yêu cầu anh Th chia số vàng 07 chỉ vàng 24k và 07 chỉ vàng 18k. Xét việc rút đơn của chị H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

Đối với anh Th xin rút lại toàn bộ đơn không yêu cầu chị H chia số vàng 05 chỉ vàng 24k. Xét việc rút đơn của anh Th là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

[2] Về án phí sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 28, 35, 39, 147, 217, 227, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 27/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tôn Minh Th đối với chị Phan Mỹ H.

Bác toàn bộ đơn yêu cầu của anh Tôn Minh Th đối với chị Phan Mỹ H về việc chia $\frac{1}{2}$ số vàng 07 (Bảy) chỉ vàng 24k.

Đình chỉ yêu cầu của chị Phan Mỹ H đối với anh Tôn Minh Th chia $\frac{1}{2}$ số vàng là 07 (bảy) chỉ vàng 24k và 07 (bảy) chỉ vàng 18k.

Đình chỉ yêu cầu của anh Tôn Minh Th đối với chị Phan Mỹ H chia $\frac{1}{2}$ số vàng là 05 (Năm) chỉ vàng 24k.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Anh Tôn Minh Th phải chịu án phí số tiền là 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng), đã qua anh Th có dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 525.000 đ (Năm trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004013 ngày 05/12/2017, được đối trừ anh Th được nhận lại số tiền là 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Chị Phan Mỹ H không phải chịu án phí, đã qua chị H có dự nộp số tiền là 1.300.000 đồng, theo biên lai thu số 0004239 ngày 14/3/2018, chị H được nhận lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm C khai anh Th, chị H, ông T, bà Ti, ông C, bà Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- CC THA huyện C;
- Đường sự;
- Lưu HS-VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Minh Tính